

CHƯƠNG 15

PHỤ LỤC VỀ MUA SẴM CHÍNH PHỦ

**(Bản dịch không chính thức của Cục Quản lý đấu thầu,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư)**

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG
BẢN CHÀO MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG MUA SẮM CHÍNH PHỦ CỦA HOA KỲ

Chương 15

Phu lục về Mua sắm chính phủ

Phần A: Cơ quan mua sắm cấp trung ương

1. Chương này áp dụng đối với các cơ quan mua sắm cấp trung ương được liệt kê trong Phần này trong trường hợp giá gói thầu của những cơ quan đó, theo quy định tại Khoản 8 và Khoản 9 Điều 15.2, bằng hoặc cao hơn các ngưỡng sau:

- (a) với gói thầu mua sắm hàng hoá và dịch vụ: 130.000 SDR; và
- (b) với gói thầu xây lắp: 5.000.000 SDR.

Các ngưỡng mở cửa nêu trên sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Phần H trong Bản chào này.

2. Trừ trường hợp được quy định khác trong Bản chào này, Chương này áp dụng đối với tất cả đơn vị trực thuộc các cơ quan được liệt kê trong Danh sách của mỗi Nước thành viên tại Phần này.

Danh sách cơ quan của Hoa Kỳ

1. Hội đồng tư vấn về bảo tồn di tích lịch sử
2. Quỹ phát triển Châu Phi
3. Hệ thống Vận chuyển khí ga tự nhiên Alaska
4. Ủy ban tưởng niệm trận đánh Hoa Kỳ
5. Ủy ban khu vực Appalachian
6. Hội đồng quản trị truyền thông
7. Ủy ban Nghệ thuật
8. Ủy ban về quyền công dân
9. Ủy ban giao dịch hàng hoá tương lai
10. Ủy ban an toàn sản phẩm tiêu dùng
11. Công ty dịch vụ quốc gia và cộng đồng
12. Dịch vụ toà án và cơ quan giám sát tội phạm của Quận Columbia
13. Ủy ban lưu vực sông Delaware
14. Ủy ban Denali
15. Bộ Nông nghiệp (Lưu ý 1)
16. Bộ Thương mại (Lưu ý 2)
17. Bộ Quốc phòng (Lưu ý 3)
18. Bộ Giáo dục
19. Bộ Năng lượng (Lưu ý 4)
20. Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh
21. Bộ An ninh nội địa (Lưu ý 5)
22. Bộ Gia cư và Phát triển đô thị
23. Bộ Nội vụ, bao gồm cả Cục Khai khoáng trên mặt đất
24. Bộ Tư pháp

25. Bộ Lao động
26. Bộ Quốc vụ (Bộ Ngoại giao)
27. Bộ Giao thông (Lưu ý 6)
28. Bộ Ngân khố (Bộ tài chính)
29. Bộ Cựu chiến binh
30. Cơ quan bảo vệ môi trường
31. Ủy ban Cơ hội nghề nghiệp bình đẳng
32. Văn phòng điều hành của phủ Tổng thống
33. Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ
34. Quản lý tín dụng nông trại
35. Ủy ban truyền thông liên bang
36. Tổng công ty bảo hiểm cây trồng liên bang
37. Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang
38. Ủy ban bầu cử liên bang
39. Ủy ban Điều tiết năng lượng liên bang
40. Tập đoàn thế chấp cho vay mua nhà liên bang
41. Cơ quan tài chính nhà đất liên bang
42. Cơ quan quan hệ lao động liên bang
43. Ủy ban hàng hải liên bang
44. Hoà giải và dịch vụ hoà giải liên bang
45. Ủy ban an toàn mỏ và kiểm định sức khoẻ liên bang
46. Tập đoàn công nghiệp nhà tù liên bang
47. Hệ thống dự trữ liên bang
48. Quỹ hưu trí tiết kiệm và đầu tư liên bang
49. Ủy ban thương mại liên bang
50. Quản trị dịch vụ tổng hợp (Lưu ý 7)
51. Quỹ thế chấp nhà ở quốc gia liên bang
52. Hội đồng tưởng niệm Holocaust
53. Quỹ liên Mỹ
54. Hội đồng bảo vệ hệ thống băng khen
55. Tập đoàn Thách thức thiên niên kỉ
56. Cục Quản trị Không Gian và Hàng Không Quốc gia (Cơ quan Không gian Hoa Kỳ)
57. Cơ quan Quản trị Kỷ lục và Văn khố Quốc gia
58. Hội đồng quản trị đánh giá quốc gia
59. Ủy ban kế hoạch vốn quốc gia
60. Hội đồng quốc gia về người khuyết tật
61. Hội liên hiệp tín dụng quốc gia
62. Cơ quan Quốc gia Quyên tặng các ngành Nghệ thuật
63. Cơ quan Quyên tặng các ngành Nhân văn
64. Quỹ quốc gia về các ngành nghệ thuật và nhân văn
65. Hội đồng Quan hệ lao động quốc gia
66. Hội đồng Hoà giải quốc gia
67. Quỹ Khoa học quốc gia
68. Ban An toàn giao thông quốc gia
69. Ủy ban Điều tiết hạt nhân
70. Ủy ban an toàn lao động và kiểm định sức khoẻ
71. Cơ quan đạo đức chính phủ
72. Cơ quan quản lý con người
73. Cơ quan tư vấn đặc biệt
74. Tập đoàn đầu tư cá nhân nước ngoài
75. Đội quân gìn giữ hoà bình
76. Hội đồng hưu trí đường sắt
77. Ủy ban Chứng khoán và hối đoái

- 78. Hệ thống dịch vụ lựa chọn
- 79. Quản lý doanh nghiệp nhỏ
- 80. Viện Smithsonian
- 81. Cơ quan Quản lý An sinh xã hội
- 82. Ủy ban lưu vực sông Subquehanna
- 83. Ủy ban động vật biển có vú Hoa Kỳ
- 84. Hội đồng truy cập Hoa Kỳ
- 85. Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ
- 86. Ủy ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ

Lưu ý:

- 1. **Bộ Nông nghiệp:** Chương này không áp dụng đối với gói thầu mua sắm nông sản được sản xuất từ một chương trình hỗ trợ nông nghiệp hoặc chương trình cứu trợ nhân đạo/nuôi dưỡng con người.
- 2. **Bộ Thương mại:** Chương này không áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hoá hay dịch vụ liên quan tới hoạt động đóng tàu của Cơ quan Khí quyển và Đại dương quốc gia của Hoa Kỳ.
- 3. **Bộ Quốc phòng:**

(a) Chương này không áp dụng đối với các hàng hoá được mô tả theo phân loại Danh mục Hàng hoá Liên bang – Federal Supply Code (danh sách FSC đầy đủ của Hoa Kỳ có thể tìm thấy tại Phần về Danh mục Sản phẩm trong Tài liệu hướng dẫn về Danh mục Sản phẩm và Dịch vụ trong Hệ thống dữ liệu đấu thầu liên bang ở địa chỉ <https://www.acquisition.gov>) được liệt kê dưới đây:

FSC 11	Quân nhu hạt nhân
FSC 18	Xe không gian
FSC 19	Tàu thủy, tàu bè nhỏ, cầu phao và ụ nổi sửa chữa tàu
FSC 20	Tàu thủy và thiết bị hàng hải
FSC 2310	Xe có động cơ chở khách (chỉ xe buýt)
FSC 2350	Xe chiến đấu, tấn công và chiến thuật, theo đường kéo
FSC 51	Dụng cụ cầm tay
FSC 52	Dụng cụ đo đạc
FSC 60	Vật liệu sợi quang học, thành phần, bộ phận và phụ tùng
FSC 8140	Hộp, gói quân nhu hạt nhân và đạn và Công-ten-nơ đặc biệt
FSC 83	Đồ dệt, đồ da, đồ long, hàng may mặc, giày, lều và cờ (tất cả yếu tố ngoài ghim, kim tiêm, đồ may vá, cột cờ)
FSC 84	Quần áo, thiết bị cá nhân và phù hiệu (tất cả yếu tố ngoài tiểu mục 8460-hành lý)
FSC 89	Hàng thiết yếu (tất cả yếu tố ngoài tiểu mục 8975-thuốc lá)

(b) Chương này không áp dụng đối với gói thầu mua sắm bất kỳ kim loại đặc biệt nào hoặc bất kỳ hàng hoá nào có một hoặc nhiều kim loại đặc biệt. "Kim loại đặc biệt" được hiểu như sau:

- (i) thép với hàm lượng hợp kim tối đa cao hơn một hoặc nhiều chỉ số sau: mangan 1,65%; silicon 0,60%; hoặc đồng 0,60%;
- (ii) thép chứa hơn 0,25% bất kỳ thành tố nào sau đây: nhôm, crom,

coban, columbium, molybden, niken, titan, vonfram hoặc vanadi;

- (iii) một hợp kim chứa niken, sắt-niken hoặc hợp kim có thành phần chính là coban có chứa một số hợp kim khác (trừ sắt) vượt quá 10 phần trăm;
 - (iv) titan hoặc hợp kim titan; hoặc
 - (v) zirconi hoặc hợp kim có thành phần chính là zirconi.
- (c) Theo quy định của Điều 29.2 (Các ngoại lệ về an ninh), Chương này không áp dụng đối với gói thầu mua bất kỳ loại hàng hoá nào được liệt kê theo Danh mục FSC dưới đây:

FSC 10	Vũ khí
FSC 12	Thiết bị điều khiển hoá lực
FSC 13	Đạn và chất nổ
FSC 14	Tên lửa điều khiển
FSC 15	Phương tiện bay và cấu kiện khung máy bay
FSC 16	Thành phần và phụ tùng phương tiện bay
FSC 17	Thiết bị phóng phương tiện bay, hạ cánh và xử lý mặt đất
FSC 19	Tàu thuỷ, tàu bè nhỏ, cầu phao và ụ nổi sửa chữa tàu
FSC 20	Tàu thuỷ và thiết bị hàng hải
FSC 28	Động cơ, tuabin và thành phần
FSC 31	Vòng bi
FSC 58	Thiết bị liên lạc, thiết bị dò và thiết bị phóng xạ
FSC 59	Link kiện và thiết bị điện
FSC 95	Thanh, tấm, khuôn kim loại

4. **Bộ Năng lượng:** Theo quy định của Điều 29.2 (Các ngoại lệ về an ninh), Chương này không áp dụng đối với các gói thầu:

- (a) mua sắm hàng hoá hoặc dịch vụ hỗ trợ cho việc bảo vệ công nghệ hay vật liệu hạt nhân, trong trường hợp Bộ Năng lượng tổ chức lựa chọn nhà thầu theo thẩm quyền của Đạo Luật Năng lượng nguyên tử; hoặc
- (b) mua sắm dầu mỏ liên quan tới Chiến lược dự trữ dầu mỏ.

5. **Bộ An ninh nội địa:**

- (a) Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng với các gói thầu do Cơ quan an ninh giao thông mua sắm hàng hoá thuộc mã FSC 83 (Đồ dệt, đồ da, đồ long, hàng may mặc, giấy, lều và cờ) và FSC 84 (Quần áo, thiết bị cá nhân và phù hiệu).
- (b) Các yếu tố an ninh quốc gia áp dụng với Bộ Quốc phòng cũng áp dụng đối với Lực lượng kiểm soát bờ biển của Hoa Kỳ.

6. **Bộ Giao thông:** Chương này không áp dụng với các gói thầu của Cơ quan Hàng không Liên bang.

7. **Cơ quan dịch vụ tổng hợp:** Chương này không áp dụng với các gói thầu mua sắm các loại hàng hoá thuộc mã FSC dưới đây:

FSC 51	Thiết bị cầm tay
FSC 52	Thiết bị đo lường
FSC 7340	Dao kéo và đồ dẹt (ở bàn ăn, dao, đĩa, thìa, đĩa nông lòng...)

8. Đối với hàng hoá và dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ xây dựng của Nhật Bản và nhà thầu cung cấp những hàng hoá và dịch vụ đó, Hiệp định này không áp dụng đối với các gói thầu của National Aeronautics and Space Administration (Cơ quan Vũ trụ và Hàng không quốc gia Hoa Kỳ).
9. Đối với hàng hoá và dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ xây dựng của Việt Nam và nhà thầu cung cấp những hàng hoá và dịch vụ đó, Hiệp định này chỉ áp dụng đối với các cơ quan sau đây trực thuộc Bộ Quốc phòng:

Vụ Hoạt động Giáo dục quốc phòng
Cục Quân nhu

Hoa Kỳ sẵn sàng điều chỉnh Lưu ý này sau khi thoả thuận được với Việt Nam về phạm vi mở cửa của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

Phần B: Cơ quan cấp địa phương

Chưa có cam kết

Phần C: Các cơ quan khác

1. Các cơ quan mua sắm được liệt kê trong Phần này tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Chương này đối với các gói thầu có giá bằng hoặc cao hơn các ngưỡng sau, theo quy định tại Khoản 8 và Khoản 9 Điều 15.2:

(a) với hàng hoá và dịch vụ: 250.000 USD; and

(b) với gói thầu xây lắp: 5 triệu SDRs

Các ngưỡng mở cửa nêu trên sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Phần H trong Bản chào này.

2. Trừ trường hợp được quy định khác trong Bản chào, Chương này áp dụng đối với tất cả đơn vị trực thuộc các cơ quan được liệt kê trong tại Phần này.

Danh sách cơ quan:

1. Chính quyền thung lũng Tennessee
2. Cục Quản lý điện Bonneville
3. Cục Quản lý điện khu vực phía Tây
4. Cục Quản lý điện khu vực phía Đông Nam

5. Cục Quản lý điện khu vực phía Tây Nam
6. Tập đoàn phát triển đường biển St. Lawrence
7. Cục Dịch vụ tiện ích nông thôn (Lưu ý 1)

Lưu ý đối với Phần C:

1. Cục Dịch vụ tiện ích nông thôn sẽ không áp đặt yêu cầu mua sắm hàng hóa trong nước như điều kiện đề cập vốn cho các dự án viễn thông hay nhà máy điện có giá gói thầu vượt các ngưỡng mở cửa đã nêu ở trên. Cục dịch vụ tiện ích nông thôn không cam kết bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với việc cấp vốn cho các dự án viễn thông hay nhà máy điện.
2. Đối với hàng hóa và dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ xây dựng của Malaysia và nhà thầu cung cấp hàng hóa và dịch vụ đó, Hiệp định này không áp dụng đối với gói thầu do các cơ quan được liệt kê trong Phần C sản xuất và phân phối điện, bao gồm cả cam kết đối với Cục Dịch vụ tiện ích nông thôn trong việc cấp vốn cho các dự án nhà máy điện được mô tả trong Lưu ý số 1 của Phần này.

Phần D: Danh mục hàng hóa

Chương này áp dụng đối với tất cả hàng hóa do các cơ quan được liệt kê từ Phần A tới Phần C mua sắm, căn cứ vào những Lưu ý trong các Phần của Bản chào và Phần Lưu ý chung.

Phần E: Danh mục dịch vụ

Chương này áp dụng đối với tất cả dịch vụ do các cơ quan được liệt kê từ Phần A tới Phần C mua sắm, căn cứ vào những Lưu ý trong các Phần của Bản chào, Phần Lưu ý chung và những Lưu ý trong Phần này, ngoại trừ các dịch vụ được loại trừ trong Bản chào này.

Danh mục dịch vụ của Hoa Kỳ

Chương này không áp dụng đối với các gói thầu mua sắm các dịch vụ sau đây, căn cứ vào Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm Tạm thời (CPC) có tại địa chỉ:

<http://unstats.un.org/unsd/cr/registry/regcst.asp?C1=9&Lq=1>:

- (a) Tất cả dịch vụ vận tải, kể cả Dịch vụ phóng vệ tinh (Launching services) (Mã CPC 71, 72, 73, 74, 8859, 8868)
- (b) Dịch vụ vận hành các công trình thuộc sở hữu của Chính phủ:

Tất cả công trình do Bộ Quốc phòng, Bộ Năng lượng và Cơ quan Không gian Hoa Kỳ vận hành;

Đối với tất cả cơ quan được liệt kê từ Phần A tới Phần C của Bản chào, các cơ sở Nghiên cứu và Phát triển.
- (c) Các dịch vụ công ích, ngoại trừ các dịch vụ viễn thông nâng cao (tức là có giá trị gia tăng).

(d) Dịch vụ nghiên cứu và phát triển.

Lưu ý đối với Phần E của Hoa Kỳ:

1. Chương này không áp dụng đối với gói thầu mua sắm dịch vụ nhằm hỗ trợ lực lượng quân đội đóng ở nước ngoài.

Phần F: Dịch vụ xây dựng

Chương này áp dụng đối với tất cả dịch vụ xây dựng do các cơ quan từ Phần A tới Phần C mua sắm, được liệt kê trong Mục 51 của Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm Tạm thời (CPC) có tại địa chỉ <http://unstats.un.org/unsd/cr/registry/regcs.asp?C1=9&Lq=51>, căn cứ vào những Lưu ý trong các Phần của Bản chào, Phần Lưu ý chung và những Lưu ý trong Phần này, ngoại trừ các dịch vụ xây dựng được loại trừ trong Bản chào này

Danh mục dịch vụ xây dựng của Hoa Kỳ:

Chương này không áp dụng đối với gói thầu dịch vụ nạo vét.

Phần G: Các lưu ý chung

Trừ trường hợp được quy định khác trong Bản chào, các Lưu ý chung dưới đây áp dụng đối với Chương này, bao gồm tất cả Phần trong Bản chào này.

Danh sách các Lưu ý chung của Hoa Kỳ:

1. Chương này không áp dụng đối với các ưu đãi dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ hoặc doanh nghiệp thuộc sở hữu của người dân tộc thiểu số. Ưu đãi dành riêng có thể bao gồm bất kỳ hình thức ưu đãi nào, chẳng hạn như độc quyền cung cấp một hàng hóa hay dịch vụ hoặc ưu đãi về giá.
2. Trừ trường hợp được quy định khác trong Bản chào, Chương này không áp dụng đối với các thoả thuận không mang tính hợp đồng hoặc các hình thức hỗ trợ của chính phủ, bao gồm cả việc chính phủ cung cấp hàng hoá và dịch vụ cho các cá nhân/tổ chức hay các cơ quan chính phủ không thuộc phạm vi điều chỉnh theo Bản chào
3. Trường hợp một hợp đồng được trao bởi một cơ quan không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này, Chương này được hiểu là không áp dụng đối với phần hàng hoá hoặc dịch vụ của hợp đồng đó.
4. Chương này không áp dụng đối với dịch vụ vận tải là một phần hoặc gắn với một gói thầu.

Phần H: Công thức điều chỉnh ngưỡng

1. Ngưỡng mở cửa sẽ được điều chỉnh 2 năm một lần với hiệu lực của mỗi lần điều chỉnh bắt đầu vào ngày 01 tháng Một, bắt đầu từ ngày 01 tháng Một năm XXXX.

2. Hai năm một lần, mỗi Nước thành viên sẽ tính toán ngưỡng điều chỉnh đối với gói thầu hàng hoá và dịch vụ của các cơ quan được liệt kê trong Phần A và Phần B và với gói thầu xây lắp của các cơ quan được liệt kê trong các phần từ A tới C dựa trên bình quân tỷ lệ chuyên đổi hàng ngày của đồng tiền của Nước thành viên đó theo SDR do Quỹ Tiền tệ Quốc tế công bố hàng tháng trong dữ liệu "Thông kê Tài chính Quốc tế" trong khoảng thời gian 2 năm trước ngày 01 tháng Mười hoặc ngày 01 tháng Mười một của năm trước khi ngưỡng điều chỉnh bắt đầu có hiệu lực.

3. Các bên sẽ tiến hành tham vấn nếu có sự thay đổi lớn về giá trị của một đồng tiền so với các đồng tiền khác mà gây ra vấn đề nghiêm trọng đối với việc áp dụng Chương này.

Phần I: Các phương tiện đăng tải thông tin đấu thầu

Các ấn phẩm được Hoa Kỳ sử dụng cho việc đăng tải thông báo mời thầu, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cũng như thông tin về danh sách thường xuyên nhà thầu đáp ứng yêu cầu trong trường hợp áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế được đăng tải hàng năm:

- Cơ hội kinh doanh liên bang (<http://www.fedbizopps.gov>)

Luật, quy định, quyết định tư pháp, quy trình và quy định hành chính liên quan tới mua sắm chính phủ áp dụng đối với các cơ quan được liệt kê ở Phần A được đăng tải trên các websites sau:

- Luật Liên bang Hoa Kỳ (chủ yếu Điều 10 và 14 Luật Hoa Kỳ):
<http://www.gpo.gov/fdsys/browse/collectionUScode.action?collectionCode=USCODE>
- Quy định mua lại liên bang (FAR): <http://www.acquisition.gov/far/index.html>
- Cơ quan quy định bổ xung: http://www.acquisition.gov/agency_supp_regs.asp
- Đăng ký liên bang: <https://www.federalregister.gov/>
- Chính sách Mua sắm công liên bang:
<http://www.whitehouse.gov/omb/procurement/>
- Quyết định phản đối dự thầu của Văn phòng Kiểm toán chính phủ:
<http://www.gao.gov/legal/bidprotest.html>
- Cơ quan giải quyết khiếu nại hợp đồng mua sắm công: <http://www.cbca.gsa.gov/>
- Các quyết định pháp lý:
 - Toà án khiếu nại liên bang Hoa Kỳ (thẩm quyền bao gồm các khiếu nại liên quan đến hợp đồng với chính phủ, bao gồm cả phản đối đấu thầu):
<http://www.uscfc.uscourts.gov/>
 - Toà án phúc thẩm liên bang Hoa Kỳ (thẩm quyền bao gồm các khiếu nại từ Cơ quan giải quyết khiếu nại hợp đồng mua sắm công):
<http://www.ca9.uscourts.gov/>

Luật, quyết định tư pháp, quy trình và quy định hành chính liên quan tới mua sắm chính phủ áp dụng đối với các cơ quan được liệt kê ở Phần C có trực tiếp tại các cơ quan mua sắm đó.

